

Nam tiến với nhà Nguyễn

Khách quan mà nói thì nhà Nguyễn, đặt biệt là các chúa Nguyễn, đã có nhiều công với dân tộc, mà công lao lớn nhất có thể là công đã mở rộng quốc thổ về phương Nam.

Với bia khắc trên đỉnh núi Đá Bia hay Thạch Bi Sơn ở Tuy Hòa (Phú Yên), tưởng như cuộc xung đột Chiêm Việt chấm dứt từ đây mà con đường Nam tiến của dân tộc Việt cũng dừng. Nào ngờ xảy ra việc Trịnh Nguyễn phân tranh trong lịch sử Việt Nam, vua Lê chỉ còn hư vị tượng trưng cho đơn vị dân tộc thống nhất bất phân, Chúa Nguyễn vào Nam, Chúa Trịnh đất Bắc. Nhưng chính có cuộc phân tranh ấy mà cuộc Nam tiến càng được thúc đẩy.

Năm Chính Trị thứ nhất triều Lê ánh Tông (1558), Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa, những người làng Tống Sơn cùng với quân lính Thanh Nghệ đem cả gia đình đi theo. Về sau mỗi khi ra đánh phương Bắc thì dân Nghệ Tĩnh lại theo vào khai khẩn đất ở phương Nam, sinh sống ở đất Chiêm Thành. Dần dần Thuận Quảng trở thành một cõi cường thịnh.

Trước khi mất, Nguyễn Hoàng năm 1613 có trời lại Hoàng tử Nguyễn Phúc Nguyên rằng: "Đất Thuận Quảng phía Bắc có núi Hoành Sơn và sông Linh Giang hiểm trở, phía Nam có núi Hải Vân và Thạch Bi vững bền. Núi sẵn vánh sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dạy dân chuyên luyện binh để chống chọi với Trịnh thì dù xây dựng cơ nghiệp muôn đời. Ví bằng thế lực không địch được thì cố giữ vững đất đai để chờ cơ hội, chứ đừng bỏ qua lời dặn của ta".

(Đại Nam thực lục tiền biên)

Như thế Nguyễn Hoàng quyết chí mở đất ở miền Nam, dựng cơ sở để thống nhất sơn hà, đánh đổ họ Trịnh ở phía Bắc. Khi trước vua Lê Thánh Tông đã cấm biên giới phía Nam tại Tuy Hòa, đến Cù Mông mà thôi. Từ Tuy Hòa trở xuống còn là đất của Chiêm Thành. Năm 1578 Nguyễn Hoàng đã lấy đất Phú Yên. Nhưng năm 1653 vua Chiêm Thành Ba Tầm lại đem quân quấy nhiễu nên chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần) sai Hùng Lộc vào dẹp, tiến quân qua Thạch Bi Sơn, lấy đất đến Phan Rang làm giới hạn, mở thêm hai phủ Thái Khang (Ninh Hòa) và Diên Ninh (Diên Khánh). Chúa cho Hùng Lộc trấn giữ, bắt Chiêm Thành giữ lệ cống. Đến năm 1692, vua Chiêm Thành là Bà Tranh bỏ không tiến cống, chúa Nguyễn Phúc Chú sai tổng binh Nguyễn Hữu Kính đi đánh, bắt được Bà Tầm về Phú Xuân. Chúa đặt Chiêm Thành làm trấn Thuận Thành, đặt quan cai trị, rồi lại đổi thành Bình Thuận, cho thân thuộc Bà Tranh làm chức Khám lý, ba người con làm Đề đốc, lại bắt thay đổi y phục theo Việt Nam để phù dụ dân Chiêm. Đến 1696 chúa lại đặt phủ Bình Thuận, lấy nốt Phan Rang, Phan Ri của Chiêm đổi thành huyện Yên Phúc và Hòa Đa. Từ đây nước Chiêm Thành mất hẳn, tuy vẫn còn vua Chiêm nhưng vô quyền.

Tuy lấy xong nước Chiêm Thành, nhưng công việc Nam tiến của Việt Nam chưa xong, vì xứ Trung không có đất phì nhiêu đủ cho một nước nông nghiệp thịnh vượng để đương đầu với chúa Trịnh ở phía Bắc. Cho nên đồng bằng lưu vực sông Cửu Long là mục tiêu cho chúa Nguyễn bấy giờ dựng nước.

Nam phương đây là đất Chân Lạp, một nước thịnh vượng, từ thời Lý đã cho sứ thần ra cống ở Thăng Long. Chân Lạp đất rộng người thưa, là mục tiêu mà chúa Nguyễn hướng đến. Vì thế, nên khoảng thế kỷ XVII, chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên 1613-1635) đã kết thân với vua Chân Lạp bằng cách gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp là Chey-Chetta II (1618-1626), và vua Chân Lạp đã phong bà là Hoàng Hậu. Từ năm 1623, sứ thần từ Huế đến Chân Lạp, đem theo lễ vật trọng hậu dâng lên vua Chân Lạp, để nhân danh chúa Nguyễn xin phép cho dân Việt Nam được làm ruộng và buôn bán trên đất mà ngày nay là Sài Gòn, và bây giờ là miền cực nam của Chân Lạp. Bà Hoàng Hậu can thiệp với vua để sự thỉnh cầu ấy được nhà vua ưng thuận, và vua Chey-Chetta kết cục đã ưng thuận.

Đây là chính sách ngoại giao thân thiện. Chính sách này mở đầu cho việc di thực của dân tộc vào Chân Lạp thành công mỹ mãn.

Ngoài ra lại còn những cơ hội thuận lợi đưa đến, như nội bộ Chân Lạp trong giới lãnh đạo lục đục, lại thêm phía Tây bị quân Xiêm luôn luôn đe dọa muốn thôn tính, khiến cho phải cầu viện sự bảo trợ của Việt Nam, và đây là chính sách viện trợ quân sự.

Đã hai lần, Chân Lạp đã nhờ viện trợ quân sự của chúa Nguyễn để đẩy lùi các cuộc xâm lăng của quân Xiêm vào năm 1621 và 1623.

Năm 1642, một người con của Chey-Chetta II là Hoàng tử Chan đã giết vua Ang Non để lên ngôi vua, sau đó lấy một người vợ Mã Lai, cùng theo đạo Hồi của vợ.

Trong thời gian này, tại Chân Lạp có rất nhiều người Chiêm và Mã Lai đến sinh sống, từ Chiêm Thành chạy qua để trốn giặc giã. Vì vua Chân Lạp theo đạo Hồi, nên nhóm người này được ưu đãi. Điều này đã gây bất bình trong Hoàng tộc cũng như dân chúng. Theo lời khuyên của Hoàng Thái Hậu, quả phụ vua Chetta II, họ vận động xin chúa Nguyễn viện trợ. Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) nhận lời can thiệp và cử Trần thủ Trần Biên Dinh (Phú Yên) thống lĩnh một đạo quân vào Nam để tái lập trật tự. Vua Chân Lạp bị bắt và sau khi được trả tự do đã nhường lại Biên Hòa cho chúa Nguyễn.

Đến năm 1674, vua Cao Miên là Nặc Ông Chân mất, Nặc Ông Non (hay Nặc Ông Nộn) lên nối ngôi. Nhưng Nặc Ông Đài, trong dòng trưởng, vì không được lên trị vì, bèn cầu cứu Xiêm La đánh Nặc Ông Non.

Chúa Hiền lại được Nặc Ông Non xin tiếp viện. Nặc Ông Đài thua trận chạy vào rừng bị chết. Em Nặc Ông Đài là Nặc Ông Thu ra đầu hàng quân ta.

Cũng như chính sách đã thực hiện với Chiêm Thành, chúa Nguyễn đã áp dụng ở Chân Lạp chia hai đất nước để hòa giải. Nặc Ông Thu được phong làm Chánh quốc vương đóng đô ở Long-úc, Nặc Ông Non được phong làm Phó quốc vương đóng đô ở Sài- Gòn.

Đến năm 1679, có quan tướng nhà Minh là Trần thủ Quảng Tây Dương Ngạn Địch, phó tướng Hoàng Tiến và Tổng binh châu Cao, châu Lôi và châu Liêm (thuộc Quảng Đông) Trần Thượng Xuyên, phó tướng là Trần An Bình không chịu thần phục nhà Thanh, nên đem 50 thuyền, 3000 quân sang xin làm dân Việt. Chúa Hiền nhân muốn khai khẩn đất Chân Lạp mới dung nạp họ, cho bọn Dương Ngạn Địch ở Mỹ Tho, Trần Thượng Xuyên ở Biên Hòa, khai khẩn và thiết lập phổ phường buôn bán, thuyền buôn của người Thanh, phương Tây, Nhật Bản, Java đi lại thông thương phồn thịnh. Do đó văn hóa Hán thấm nhuần vào đất Đông Phố này (tức Gia Định), thay thế và cạnh tranh với văn hóa ấn, Chân Lạp. Người Hoa, người Khmer, người Chiêm hợp hóa cả vào dân Việt.

Đồng thời với tướng nhà Minh Dương Ngạn Địch, lại có Mạc Cửu, di dân nhà Minh không chịu thần phục nhà Thanh, tránh sang ở Chân Lạp làm chức Oc nha ở đất Sài Mạt trên bờ vịnh Xiêm La, nơi giao thông tấp nập. Ông chiêu mộ dân phiêu bạt đến Phú Quốc, Cần Bột, Gia Khê, Luống Cây, Cà Mau lập thành bảy xã thuộc Hà Tiên. Năm 1708, Mạc Cửu xin thần phục, chúa Nguyễn phong cho chức Tổng Bình Hà Tiên. Đến khi Mạc Cửu mất, con là Mạc Thiên Tích (hay Mạc Thiên Tứ) trấn thủ Hà Tiên, đắp thành lũy chống giữ quân Xiêm, mở rộng thông thương buôn bán, khước trương Hán học, giáo hóa nhân dân, làm cho Hà Tiên trở nên nổi tiếng ở góc trời Nam hẻo lánh trong vịnh Xiêm La.

Hà Tiên phồn thịnh, trở thành vật thêm muốn của cả Xiêm và Chân Lạp, một bên muốn cướp lấy, một bên muốn đòi lại. Nhưng họ Mạc lựa chọn sát nhập vào triều đình Việt Nam. Cho nên năm 1739, Chân Lạp định chiếm lại Hà Tiên, chúa Võ Vương sai Nguyễn Cư Trinh sang đánh vua Chân Lạp, Nặc Nguyên bỏ chạy, xin nộp đất cầu hòa. Đất ấy là miền Nam Gia Định, Gò Công và Tân An bây giờ.

Năm 1756, Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên nói với Chúa Nguyễn xin giúp đỡ. Võ Vương sai Thiên Tích đưa Nặc Tôn về Chân Lạp làm vua. Nặc Tôn dâng đất phía bắc sông Bassac tức vịnh Long, Sa Đéc, Tân Châu, Châu Đốc ngày nay. Nặc Tôn đền ơn Thiên Tích năm phủ, Thiên Tích đều dâng cho chúa Nguyễn, chúa Nguyễn cho sát nhập vào Hà Tiên, dưới quyền họ Mạc bấy giờ từ Cam Bốt cho đến Cà Mau.

Để kết lại, nếu loại ra giai đoạn Bắc thuộc, lãnh thổ Việt Nam có thể tóm tắt như sau:

- Đời Hùng Vương: Văn Lang (?)*
- Đời An Dương Vương: Âu Lạc (?)*
- Đời Đinh và Tiền Lê: miền Bắc và miền Trung đến đèo Ngang*
- Đời Lý: mở rộng đến Cửa Việt (sông Hãn thuộc Quảng Trị) (1069)*
- Đời Trần: thêm đến đèo Hải Vân (1306)*
- Đời Hồ: đến Quảng Ngãi (1402)*
- Đời Lê: đến Khánh Hòa (1470)*
- Chúa Nguyễn: - hết miền Trung (Phan Thiết) 1697*
- Miền Nam: Lục Tỉnh (1765)*

Đến đây, dân tộc Việt đã mở rộng lãnh thổ từ Nam Quang phương Bắc cho đến vịnh Xiêm La.

Nhưng chiếm được đất là một chuyện, còn giữ được đất và có dân lại là chuyện khác. Đây là cả một chính sách thuộc về khả năng dân tộc. Jules Sion, trong "L'Asie des Mouson - Géographie Universelle" có nhận thấy:

" Mục đích của người Việt không phải đem quân cướp lấy tù binh về làm nô lệ. Họ không cần bắt nô lệ, họ tự làm lấy. Đối với họ thắng trận không phải là để có người làm mà là để có đất cây.

... Trước khi Việt Nam sát nhập đất Nam kỳ về mình, người Việt đã lập ở đấy những tổ chức, làng mạc, những người di dân đã sống chung với người Miên.

... Những người di dân đủ các hạng: dân cày không có ruộng, tù tội, quân cướp bóc muốn chuộc tội..Cũng có khi chính phủ thu nhập những người đó rồi đưa xuống những miền mới chiếm lãnh, hay lập đồn điền nơi biên thủy để phòng bị lân bang tới đánh".

Nhà cổ học Arousseau, thuộc trường Viễn Đông Bác cổ (EF.EO), cũng kết luận bài khảo cứu công phu của ông về cuộc di dân vĩ đại của Việt tộc từ sông Dương Tử đến vịnh Xiêm La:

"Những yếu tố, những sức mạnh có thể tiêu diệt được một nước mới thành lập thì đều bị vô hiệu trước sức sống mãnh liệt của người Việt.

Việt tộc chiếm cứ các đồng bằng Bắc Việt ngay từ cuối thế kỷ III trước công nguyên. Xã hội Việt Nam phát triển thịnh vượng tại đây. Lần lần các làn sóng di dân tiếp tục lan xuống phía Nam, để tới một điểm xa nhất trên đường mở rộng quốc thổ mà người Bách Việt khởi từ thế kỷ IV trước công nguyên.

Người Việt tới Trung Việt ngay từ cuối thế kỷ sau, ở đây Chiêm tộc chặn họ lại một thời gian khá lâu. Nhưng người Việt vẫn giữ được các đà phát triển đó như một sức mạnh âm i và sau một cuộc tiến triển, sau nhiều năm chinh chiến, họ đã thắng được Chiêm tộc vào năm 1471 để tiến mãi về phía nam, tới Quy Nhơn cuối thế kỷ XV, tới Sông Cầu 1611, tới Phan Rang 1653, tới Phan Thiết 1697, tới Sài Gòn 1698, tới Hà Tiên 1714. Cuối cùng trong nửa đầu thế kỷ XVIII, người Việt đã hoàn thành cuộc bành trướng của dân tộc và chiếm trọn đất Nam kỳ hiện thời".

Một đặc tính trọng yếu nhất trong cuộc Nam tiến ấy là Việt tộc trước sau vẫn giữ được dân tộc tính thuần nhất Việt Nam đến nỗi người Lào, người Chiêm, người Tàu Minh Hương, người Mên đều Việt hóa. Đại úy Gosselin trong sách "L'empire D'Annam" đứng trước thực trạng ấy cũng phải kinh ngạc: "Hết thấy các sử gia có nhiệt tâm tìm tòi sự thật đều phải công nhận rằng: khi đặt chân lên đất Việt Nam, người Pháp đã phải đụng chạm với một dân tộc thống nhất, thống nhất một cách không thể ngờ được, từ miền Cao nguyên thượng du Bắc Việt cho tới biên giới Cam Bốt, thống nhất về đủ mọi phương diện nhân chủng cũng như chính trị và xã hội ".

Cái dân tộc tính đặc sắc Việt Nam mà các học giả Pháp quan sát tại chỗ đã nhận thấy là thành quả của chính sách di dân khôn khéo có phương pháp đường lối mà Nguyễn Cư Trinh (1715-1767) đã trình bày lên chúa Nguyễn Phúc Khoát trong một bài sớ rằng:

"Từ xưa việc dùng binh chẳng qua là trừ kẻ cầm đầu mà mở mang đất nước. Nay Nặc Nguyên đã hối lỗi nạp đất xin đầu hàng, nếu tìm mãi chỗ giã dối của nó, thì nó chạy trốn. Thế mà từ Gia Định đến thành La Bích đường sá xa xôi không tiện đuổi đến cùng. Muốn mở mang đất đai nên trước hết hãy lấy hai phủ này để cùng cố mặt sau cho hai doanh trại. Nếu bỏ gần cầu xa, e rằng địa hình cách trở, quân dân không tiếp xúc, lấy được tuy dễ mà giữ được thật khó. Năm xưa mở mang Gia Định tất phải trước hết mở đất Hưng Phúc rồi đến Đồng Nai, khiến cho quân dân đông đủ rồi sau đó mới mở đến Sài Gòn. Đó là kế tầm ăn dâu (Tầm thực). Nay đất cũ từ Hưng Phúc đến Sài Gòn chỉ hai ngày đường, dân còn chưa yên ổn, quân giữ cũng còn chưa đủ. Huống chi từ Sài Gòn đến Tầm Bôn xa sáu ngày đường, địa thế rộng rãi, dân số đến vạn người, đóng quân giữ thực sợ chưa đủ. Thần xem người Côn Man giỏi thuật bộ chiến, người Chân Lạp cũng phải e sợ. Nếu cho họ ở đất ấy để họ chống giữ, lấy người Man đánh người Man (đi Man công Man) cũng là đắc sách. Vậy xin cho Chân Lạp chuộc tội, lấy đất hai phủ ấy uỷ cho phiên thần xem xét hình thế, đặt thành đóng quân, chia cắt ruộng đất cho quân lính và nhân dân, vạch rõ biên giới, cho lộ vào châu Định Viễn để thu lấy toàn khu".

(Đại Nam Thực Lục Tiền Biên)

Chúa liền y theo.

Non kia ai đắp mà cao
Sông kia ai bới ai đào mà sâu.

(Nguồn-sưu tầm)